

THÔNG TIN

Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại B

Số công bố: 220001454/PCBB-HCM

Ngày công bố: 04/05/2022

1. Tên cơ sở công bố: CÔNG TY TNHH Y NHA KHOA 3D
2. Địa chỉ: 646J Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
3. Số văn bản của cơ sở: 20220426/MISMUIKHOAN Ngày: 28/04/2022
4. Trang thiết bị y tế thuộc loại B
Tên trang thiết bị y tế: Mũi khoan và Phụ kiện
Tên thương mại: Mũi khoan và Phụ kiện
Mã Global Medical Device Nomenclature – GMDN (nếu có):
Chủng loại: Theo phụ lục
Mã sản phẩm (nếu có): Theo phụ lục
Quy cách đóng gói:
Mục đích sử dụng: Sử dụng trong điều trị phẫu thuật nha khoa: Phẫu thuật hàm mặt, phẫu thuật răng, cấy ghép chân răng, trụ răng cấy ghép.
Tên cơ sở sản xuất: Theo phụ lục
Địa chỉ cơ sở sản xuất: Theo phụ lục
Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm áp dụng: ISO 13485:2016
5. Đối với trang thiết bị y tế chứa chất ma túy, tiền chất (nếu có):
6. Thông tin về chủ sở hữu trang thiết bị y tế:
Tên chủ sở hữu: MIS Implants Technologies Ltd
Địa chỉ chủ sở hữu: Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel
7. Thông tin về cơ sở bảo hành (nếu có):
Tên cơ sở: CÔNG TY TNHH Y NHA KHOA 3D
Địa chỉ: 646J Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại cố định: 0854051272 Điện thoại di động:
8. Số công bố đủ điều kiện sản xuất đối với trang thiết bị y tế sản xuất trong

nước:

9. Thành phần hồ sơ:

1	Văn bản công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại B	x
2	Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	x
3	Giấy ủy quyền của chủ sở hữu trang thiết bị y tế	x
4	Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo hành	x
5	Tài liệu mô tả tóm tắt kỹ thuật trang thiết bị y tế bằng tiếng Việt	x
6	Bản tiêu chuẩn mà chủ sở hữu trang thiết bị y tế công bố áp dụng	x
7	Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với trang thiết bị y tế nhập khẩu	x

PHỤ LỤC: BẢNG KÊ CHI TIẾT TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	CHỨNG LOẠI	MÃ SẢN PHẨM (Nếu có)	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (Nếu có)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ SẢN XUẤT	NƯỚC SẢN XUẤT
1	Bộ mũi khoan	MK-CD01			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
2	Bộ mũi khoan dài	MK-0058			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
3	Bộ mũi khoan MGUIDE	MG-KD04			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
4	Bộ mũi khoan MGUIDE 16mm	MG-KD07			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
5	Mũi khoan Trepine	MT-S0400			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
6	Mũi khoan Trepine	MT-00400			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
7	Mũi khoan Trepine	MT-00500			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
8	Mũi khoan Trepine	MT-00600			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
9	Mũi khoan Countersink	MT-GDN33			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
10	Mũi khoan Countersink	MT-GDN50			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
11	Mũi khoan Countersink	MT-CS330			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
12	Mũi khoan Countersink	MT-CS375			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
13	Mũi khoan Countersink	MT-CS410			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
14	Mũi khoan Countersink	MT-CS420			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
15	Mũi khoan Countersink	MT-CS500			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
16	Mũi khoan Countersink	MT-CSN33			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
17	Mũi khoan dài	MT-ETD24			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
18	Mũi khoan dài	MT-ETD28			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
19	Mũi khoan dài	MT-ETD32			MIS Implants Technologies	Bar Lev Industrial Park, 2015600	ISRAEL

					Ltd	Israel	
20	Mũi khoan dài	MT-ETD38			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
21	Mũi khoan đánh dấu	MT-SMD10			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
22	Mũi khoan MGUIDE	CG-D0833			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
23	Mũi khoan MGUIDE	CG-D0839			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
24	Mũi khoan MGUIDE	CG-D0843			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
25	Mũi khoan MGUIDE	CG-D0850			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
26	Mũi khoan MGUIDE	CG-D1033			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
27	Mũi khoan MGUIDE	CG-D1039			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
28	Mũi khoan MGUIDE	CG-D1043			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
29	Mũi khoan MGUIDE	CG-D1050			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
30	Mũi khoan MGUIDE	CG-D1133			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
31	Mũi khoan MGUIDE	CG-D1139			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
32	Mũi khoan MGUIDE	CG-D1143			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
33	Mũi khoan MGUIDE	CG-D1150			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
34	Mũi khoan MGUIDE	CG-D1333			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
35	Mũi khoan MGUIDE	CG-D1339			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
36	Mũi khoan MGUIDE	CG-D1343			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
37	Mũi khoan MGUIDE	CG-D1350			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
38	Mũi khoan MGUIDE	CG-D1633			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
39	Mũi khoan MGUIDE	CG-D1639			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
40	Mũi khoan MGUIDE	CG-D1643			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
41	Mũi khoan MGUIDE	CG-D1650			MIS Implants Technologies	Bar Lev Industrial Park, 2015600	ISRAEL

					Ltd	Israel	
42	Mũi khoan MGUIDE	CG-N0833			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
43	Mũi khoan MGUIDE	CG-N0839			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
44	Mũi khoan MGUIDE	CG-N1033			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
45	Mũi khoan MGUIDE	CG-N1039			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
46	Mũi khoan MGUIDE	CG-N1133			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
47	Mũi khoan MGUIDE	CG-N1139			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
48	Mũi khoan MGUIDE	CG-N1333			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
49	Mũi khoan MGUIDE	CG-N1339			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
50	Mũi khoan MGUIDE	CG-N1633			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
51	Mũi khoan MGUIDE	CG-N1639			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
52	Mũi khoan MGUIDE	MG-D0633			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
53	Mũi khoan MGUIDE	MG-D0637			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
54	Mũi khoan MGUIDE	MG-D0642			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
55	Mũi khoan MGUIDE	MG-D0650			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
56	Mũi khoan MGUIDE	MG-D0833			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
57	Mũi khoan MGUIDE	MG-D0837			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
58	Mũi khoan MGUIDE	MG-D0842			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
59	Mũi khoan MGUIDE	MG-D0850			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
60	Mũi khoan MGUIDE	MG-D1033			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
61	Mũi khoan MGUIDE	MG-D1037			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
62	Mũi khoan MGUIDE	MG-D1042			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
63	Mũi khoan MGUIDE	MG-D1050			MIS Implants Technologies	Bar Lev Industrial Park, 2015600	ISRAEL

					Ltd	Israel	
64	Mũi khoan MGUIDE	MG-D1133			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
65	Mũi khoan MGUIDE	MG-D1137			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
66	Mũi khoan MGUIDE	MG-D1142			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
67	Mũi khoan MGUIDE	MG-D1150			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
68	Mũi khoan MGUIDE	MG-D1333			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
69	Mũi khoan MGUIDE	MG-D1337			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
70	Mũi khoan MGUIDE	MG-D1342			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
71	Mũi khoan MGUIDE	MG-D1350			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
72	Mũi khoan MGUIDE	MG-D1633			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
73	Mũi khoan MGUIDE	MG-D1637			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
74	Mũi khoan MGUIDE	MG-D1642			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
75	Mũi khoan MGUIDE	MG-D1650			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
76	Mũi khoan chốt cố định MGUIDE	MG-DFP20			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
77	Mũi khoan đánh dấu MGUIDE Narrow	MG-N0024			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
78	Mũi khoan mũi	CT-P2416			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
79	Mũi khoan mũi	MT-C2416			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
80	Mũi khoan mũi MGUIDE	MG-D1124			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
81	Mũi khoan mũi MGUIDE	MG-D0624			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
82	Mũi khoan mũi MGUIDE	MG-D1024			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
83	Mũi khoan mũi MGUIDE	MG-D1624			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
84	Mũi khoan mũi MGUIDE	MG-D1324			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
85	Mũi khoan mũi MGUIDE	MG-D0824			MIS Implants Technologies	Bar Lev Industrial Park, 2015600	ISRAEL

					Ltd	Israel	
86	Mũi khoan môi MGUIDE Narrow	MG-N0624			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
87	Mũi khoan môi MGUIDE Narrow	MG-N0824			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
88	Mũi khoan môi MGUIDE Narrow	MG-N1024			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
89	Mũi khoan môi MGUIDE Narrow	MG-N1124			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
90	Mũi khoan môi MGUIDE Narrow	MG-N1324			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
91	Mũi khoan môi MGUIDE Narrow	MG-N1624			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
92	Mũi khoan MGUIDE Narrow	MG-N0633			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
93	Mũi khoan MGUIDE Narrow	MG-N0637			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
94	Mũi khoan MGUIDE Narrow	MG-N0833			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
95	Mũi khoan MGUIDE Narrow	MG-N0837			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
96	Mũi khoan MGUIDE Narrow	MG-N1033			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
97	Mũi khoan MGUIDE Narrow	MG-N1037			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
98	Mũi khoan MGUIDE Narrow	MG-N1133			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
99	Mũi khoan MGUIDE Narrow	MG-N1137			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
100	Mũi khoan MGUIDE Narrow	MG-N1333			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
101	Mũi khoan MGUIDE Narrow	MG-N1337			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
102	Mũi khoan MGUIDE Narrow	MG-N1633			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
103	Mũi khoan MGUIDE Narrow	MG-N1637			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
104	Mũi khoan môi MGUIDE universal	MG-P0624			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
105	Mũi khoan môi MGUIDE universal	MG-P0824			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
106	Mũi khoan môi MGUIDE universal	MG-P1024			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
107	Mũi khoan môi MGUIDE universal	MG-P1124			MIS Implants Technologies	Bar Lev Industrial Park, 2015600	ISRAEL

					Ltd	Israel	
108	Mũi khoan môi MGUIDE universal	MG-P1324			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
109	Mũi khoan môi có nút chặn	CT-P2406			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
110	Mũi khoan môi có nút chặn	CT-P2408			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
111	Mũi khoan môi có nút chặn	CT-P2410			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
112	Mũi khoan môi có nút chặn	CT-P2411			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
113	Mũi khoan môi có nút chặn	CT-P2413			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
114	Dụng cụ đo chiều dài mũi khoan MGUIDE Narrow	MG-NLG40			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
115	Mũi khoan bậc	CT-TDC30			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
116	Mũi khoan bậc	CT-TDC35			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
117	Mũi khoan bậc	CT-TDC40			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
118	Mũi khoan bậc	CT-TDC45			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
119	Mũi khoan hình côn	MT-C0642A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
120	Mũi khoan hình côn	MT-C0650A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
121	Mũi khoan hình côn	MT-C0660A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
122	Mũi khoan hình côn	MT-C0837A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
123	Mũi khoan hình côn	MT-C0842A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
124	Mũi khoan hình côn	MT-C0850A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
125	Mũi khoan hình côn	MT-C0860A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
126	Mũi khoan hình côn	MT-C1033A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
127	Mũi khoan hình côn	MT-C1037A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
128	Mũi khoan hình côn	MT-C1042A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL

129	Mũi khoan hình côn	MT-C1050A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
130	Mũi khoan hình côn	MT-C1060A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
131	Mũi khoan hình côn	MT-C1133A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
132	Mũi khoan hình côn	MT-C1137A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
133	Mũi khoan hình côn	MT-C1142A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
134	Mũi khoan hình côn	MT-C1160A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
135	Mũi khoan hình côn	MT-C1333A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
136	Mũi khoan hình côn	MT-C1337A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
137	Mũi khoan hình côn	MT-C1342A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
138	Mũi khoan hình côn	MT-C1350A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
139	Mũi khoan hình côn	MT-C1360A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
140	Mũi khoan hình côn	MT-C1633A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
141	Mũi khoan hình côn	MT-C1637A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
142	Mũi khoan hình côn	MT-C1642A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
143	Mũi khoan hình côn	MT-C1650A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
144	Mũi khoan hình côn	MT-C3310A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
145	Mũi khoan hình côn	MT-C3311A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
146	Mũi khoan hình côn	MT-C3313A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
147	Mũi khoan hình côn	MT-C3316A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
148	Mũi khoan hình côn	MT-C3708A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
149	Mũi khoan hình côn	MT-C3710A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
150	Mũi khoan hình côn	MT-C3711A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL

151	Mũi khoan hình côn	MT-C3713A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
152	Mũi khoan hình côn	MT-C3716A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
153	Mũi khoan hình côn	MT-C4208A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
154	Mũi khoan hình côn	MT-C4210A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
155	Mũi khoan hình côn	MT-C4213A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
156	Mũi khoan hình côn	MT-C4216A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
157	Mũi khoan hình côn	MT-D0642A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
158	Mũi khoan hình côn	MT-D0650A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
159	Mũi khoan hình côn	MT-D0660A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
160	Mũi khoan hình côn	MT-D0837A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
161	Mũi khoan hình côn	MT-D0842A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
162	Mũi khoan hình côn	MT-D0850A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
163	Mũi khoan hình côn	MT-D0860A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
164	Mũi khoan hình côn	MT-D1033A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
165	Mũi khoan hình côn	MT-D1037A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
166	Mũi khoan hình côn	MT-D1042A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
167	Mũi khoan hình côn	MT-D1050A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
168	Mũi khoan hình côn	MT-D1060A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
169	Mũi khoan hình côn	MT-D1133A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
170	Mũi khoan hình côn	MT-D1137A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
171	Mũi khoan hình côn	MT-D1142A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
172	Mũi khoan hình côn	MT-D1150A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL

173	Mũi khoan hình côn	MT-D1160A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
174	Mũi khoan hình côn	MT-D1333A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
175	Mũi khoan hình côn	MT-D1337A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
176	Mũi khoan hình côn	MT-D1342A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
177	Mũi khoan hình côn	MT-D1350A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
178	Mũi khoan hình côn	MT-D1360A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
179	Mũi khoan hình côn	MT-D1633A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
180	Mũi khoan hình côn	MT-D1637A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
181	Mũi khoan hình côn	MT-D1642A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
182	Mũi khoan hình côn	MT-D1650A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
183	Mũi khoan hình côn	MT-D1837A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
184	Mũi khoan hình côn	MT-D1842A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
185	Mũi khoan hình côn	MT-D2037A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
186	Mũi khoan hình côn	MT-D2042A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
187	Mũi khoan hình côn	MT-D3310A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
188	Mũi khoan hình côn	MT-D3311A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
189	Mũi khoan hình côn	MT-D3313A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
190	Mũi khoan hình côn	MT-D3316A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
191	Mũi khoan hình côn	MT-D3708A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
192	Mũi khoan hình côn	MT-D3710A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
193	Mũi khoan hình côn	MT-D3711A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
194	Mũi khoan hình côn	MT-D3713A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL

195	Mũi khoan hình côn	MT-D3716A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
196	Mũi khoan hình côn	MT-D4208A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
197	Mũi khoan hình côn	MT-D4210A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
198	Mũi khoan hình côn	MT-D4211A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
199	Mũi khoan hình côn	MT-D4213A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
200	Mũi khoan hình côn	MT-D4216A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
201	Mũi khoan cuối	MT-CD310			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
202	Mũi khoan cuối	MT-CD365			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
203	Mũi khoan cuối	MT-CD410			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
204	Mũi khoan cuối	MT-CD490			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
205	Mũi khoan bậc hình côn	MT-DV0839A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
206	Mũi khoan bậc hình côn	MT-DV0843A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
207	Mũi khoan bậc hình côn	MT-DV0850A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
208	Mũi khoan bậc hình côn	MT-DV1033A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
209	Mũi khoan bậc hình côn	MT-DV1039A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
210	Mũi khoan bậc hình côn	MT-DV1043A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
211	Mũi khoan bậc hình côn	MT-DV1050A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
212	Mũi khoan bậc hình côn	MT-DV1133A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
213	Mũi khoan bậc hình côn	MT-DV1139A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
214	Mũi khoan bậc hình côn	MT-DV1143A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
215	Mũi khoan bậc hình côn	MT-DV1150A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
216	Mũi khoan bậc hình côn	MT-DV1333A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL

217	Mũi khoan bậc hình côn	MT-DV1339A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
218	Mũi khoan bậc hình côn	MT-DV1343A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
219	Mũi khoan bậc hình côn	MT-DV1350A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
220	Mũi khoan bậc hình côn	MT-DV1633A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
221	Mũi khoan bậc hình côn	MT-DV1639A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
222	Mũi khoan bậc hình côn	MT-DV1643A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
223	Mũi khoan bậc hình côn	MT-DV1650A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
224	Mũi khoan mũi có nút chặn	MT-P2416			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
225	Mũi khoan mũi dùng 1 lần	MT-PD0624A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
226	Mũi khoan mũi dùng 1 lần	MT-PD0628A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
227	Mũi khoan mũi dùng 1 lần	MT-PD0824A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
228	Mũi khoan mũi dùng 1 lần	MT-PD0828A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
229	Mũi khoan mũi dùng 1 lần	MT-PD1024A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
230	Mũi khoan mũi dùng 1 lần	MT-PD1028A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
231	Mũi khoan mũi dùng 1 lần	MT-PD1124A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
232	Mũi khoan mũi dùng 1 lần	MT-PD1128A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
233	Mũi khoan mũi dùng 1 lần	MT-PD1324A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
234	Mũi khoan mũi dùng 1 lần	MT-PD1328A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
235	Mũi khoan mũi dùng 1 lần	MT-PD1624A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
236	Mũi khoan mũi dùng 1 lần	MT-PD1628A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
237	Mũi khoan định vị	MT-PD440			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
238	Mũi khoan định vị	MT-PDM24			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL

239	Mũi khoan ngắn	MT-TDI28			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
240	Mũi khoan ngắn	MT-TDI30			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
241	Mũi khoan ngắn	MT-TDI32			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
242	Mũi khoan ngắn	MT-TDI35			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
243	Mũi khoan ngắn	MT-TDI38			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
244	Mũi khoan ngắn	MT-TDI40			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
245	Mũi khoan ngắn	MT-TDI45			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
246	Mũi khoan ngắn	MT-TDI50			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
247	Mũi khoan ngắn	MT-TDI55			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
248	Mũi khoan đánh dấu	MT-TDN19			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
249	Ống hướng dẫn mũi khoan môi MGUIDE universal	MG-PS024			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
250	Cây kiểm tra hướng khoan	CT-BTC24			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
251	Cây kiểm tra hướng khoan	CT-BTC30			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
252	Cây kiểm tra hướng khoan	CT-BTC35			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
253	Cây kiểm tra hướng khoan	CT-BTC40			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
254	Cây kiểm tra hướng khoan	CT-BTC45			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
255	Cây kiểm tra hướng khoan dài	MT-LBT24			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
256	Cây kiểm tra hướng khoan dài	MT-LBT28			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
257	Cây kiểm tra hướng khoan dài	MT-LBT32			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
258	Cây kiểm tra hướng khoan dài	MT-LBT38			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
259	Cây nối dài mũi khoan	MT-DE001			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
260	Bộ nút chặn mũi khoan SP	MK-BC101			MIS Implants Technologies	Bar Lev Industrial Park, 2015600	ISRAEL

					Ltd	Israel	
261	Bộ nút chặn mũi khoan	MK-CDS08			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
262	Bộ nút chặn mũi khoan	MK-CDS10			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
263	Bộ nút chặn mũi khoan	MK-CDS11			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
264	Bộ nút chặn mũi khoan	MK-CDS13			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
265	Dụng cụ đo chiều dài mũi khoan MGUIDE	MG-DLG55			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
266	Nút chặn mũi khoan	MT-S2806A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
267	Nút chặn mũi khoan	MT-S2808A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
268	Nút chặn mũi khoan	MT-S2810A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
269	Nút chặn mũi khoan	MT-S2811A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
270	Nút chặn mũi khoan	MT-S2813A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
271	Nút chặn mũi khoan	MT-S3008A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
272	Nút chặn mũi khoan	MT-S3010A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
273	Nút chặn mũi khoan	MT-S3011A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
274	Nút chặn mũi khoan	MT-S3013A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
275	Nút chặn mũi khoan	MT-S3206A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
276	Nút chặn mũi khoan	MT-S3208			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
277	Nút chặn mũi khoan	MT-S3210A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
278	Nút chặn mũi khoan	MT-S3211			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
279	Nút chặn mũi khoan	MT-S3213			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
280	Nút chặn mũi khoan	MT-S3508			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
281	Nút chặn mũi khoan	MT-S3510			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
282	Nút chặn mũi khoan	MT-S3511			MIS Implants Technologies	Bar Lev Industrial Park, 2015600	ISRAEL

					Ltd	Israel	
283	Nút chặn mũi khoan	MT-S3513			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
284	Nút chặn mũi khoan	MT-S3806			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
285	Nút chặn mũi khoan	MT-S3808			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
286	Nút chặn mũi khoan	MT-S3810			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
287	Nút chặn mũi khoan	MT-S3811A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
288	Nút chặn mũi khoan	MT-S3813			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
289	Nút chặn mũi khoan	MT-S4006A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
290	Nút chặn mũi khoan	MT-S4008A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
291	Nút chặn mũi khoan	MT-S4010A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
292	Nút chặn mũi khoan	MT-S4011A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
293	Nút chặn mũi khoan	MT-S4013A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
294	Nút chặn mũi khoan	MT-S4506A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
295	Nút chặn mũi khoan	MT-S4508			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
296	Nút chặn mũi khoan	MT-S4510A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
297	Nút chặn mũi khoan	MT-S4511			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
298	Nút chặn mũi khoan	MT-S4513			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
299	Nút chặn mũi khoan	MT-S5006A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
300	Nút chặn mũi khoan	MT-S5008A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
301	Nút chặn mũi khoan	MT-S5010A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
302	Nút chặn mũi khoan	MT-S5011A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
303	Nút chặn mũi khoan	MT-S5013A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
304	Nút chặn mũi khoan	MT-SD0637A			MIS Implants Technologies	Bar Lev Industrial Park, 2015600	ISRAEL

					Ltd	Israel	
305	Nút chặn mũi khoan	MT-SD0642A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
306	Nút chặn mũi khoan	MT-SD0650A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
307	Nút chặn mũi khoan	MT-SD0833A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
308	Nút chặn mũi khoan	MT-SD0837A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
309	Nút chặn mũi khoan	MT-SD0842A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
310	Nút chặn mũi khoan	MT-SD0850A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
311	Nút chặn mũi khoan	MT-SD1033A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
312	Nút chặn mũi khoan	MT-SD1037A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
313	Nút chặn mũi khoan	MT-SD1042A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
314	Nút chặn mũi khoan	MT-SD1050A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
315	Nút chặn mũi khoan	MT-SD1133A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
316	Nút chặn mũi khoan	MT-SD1137A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
317	Nút chặn mũi khoan	MT-SD1142A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
318	Nút chặn mũi khoan	MT-SD1150A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
319	Nút chặn mũi khoan	MT-SD1333A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
320	Nút chặn mũi khoan	MT-SD1337A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
321	Nút chặn mũi khoan	MT-SD1342A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
322	Nút chặn mũi khoan	MT-SD1350A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
323	Nút chặn mũi khoan	MT-SD1633A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
324	Nút chặn mũi khoan	MT-SD1637A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
325	Nút chặn mũi khoan	MT-SD1642A			MIS Implants Technologies Ltd	Bar Lev Industrial Park, 2015600 Israel	ISRAEL
326	Nút chặn mũi khoan	MT-SD1650A			MIS Implants Technologies	Bar Lev Industrial Park, 2015600	ISRAEL

Ltd

Israel